



PHẬT GIÁO ẨM ĐỘ BỊ TIÊU DIỆT VÀO THẾ KỶ THỨ 2

Thích Hạnh Định
(Sưu tầm, dịch thuật và biên khảo)

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Phật!

Kính Bạch Chư Tôn Đức!

Kính thưa Quý Phật tử!

Đức Phật ra đời vào năm 624 trước tây lịch tại nước Ấn Độ. Ngài thuyết pháp 49 năm. Phật giáo đã trở thành quốc giáo, vì các vua, các quan và dân chúng đã phần đều theo đạo Phật.

Nay trên trang website của nước Ấn Độ thống kê Phật giáo chỉ có 0,7 % của dân số Ấn Độ. Quý vị có thể tham khảo trang nhà nước Ấn Độ theo đường nối kết bên dưới.

<https://www.culturalindia.net/indian-history/ancient-india/ashoka.html>

(<https://en.wikipedia.org/wiki/India>)

Religion	79.8% Hinduism (Ấn Giáo)
	14.2% Islam (Hồi Giáo)
	2.3% Christianity (Đạo Thiên Chúa)
	1.7% Sikhism (Đạo Sık)
	0.7% <u>Buddhism</u> (Đạo Phật)
	0.4% Jainism (Đạo Kỳ Na Giáo)
	0.9% other (Những đạo khác)

Tại sao Phật giáo chỉ còn 0,7 % của dân số Ấn Độ?

Bởi vì Ấn Giáo tiêu diệt đạo Phật kể từ vào thế kỷ thứ 2 trước tây lịch và Hồi Giáo tiêu diệt đạo Phật vào thế kỷ thứ 13 đến thế kỷ 16.

Từ thời, đức Phật còn tại thế năm 624 trước tây lịch cho đến thời đại vua A Dục – Ashoka năm 232 trước tây lịch và mãi đến hết triều đại Maurya năm 180 trước tây lịch. Các vua đều ủng hộ đạo Phật. Do đó, Phật giáo phát triển mạnh mẽ và lan truyền khắp nơi ở Ấn Độ. Đặc biệt là thời vua A Dục – Ashoka.

• TÓM TẮT LỊCH SỬ VUA A DỤC - ASHOKA

Vua Ashoka sanh vào năm 304 trước tây lịch tại kinh thành Pataliputta (Thủ đô Patna, tiểu bang Bihar bây giờ). Vua cha là Bindusara Maurya; hoàng hậu là Devi Dharma. Vua Bindusara Maurya là con trai của vua Chandragupta Maurya. Vua Chandragupta Maurya là ông nội của vua A Dục, là người đầu tiên sáng lập triều đại Maurya. Ông cũng đã từ bỏ ngai hoàng để làm tu sĩ đạo Kỳ Na Giáo (Đạo Jain). Hoàng hậu Devi Dharma (còn gọi là Subhadrangi hoặc Janapadkalyani) là con gái của một vị tu sĩ Bà La Môn (Tu sĩ Ấn Giáo) tại kinh thành Champa.

• LẬP GIA ĐÌNH

Ông cưới năm bà hoàng hậu và có sáu người con, 4 hoàng tử và 2 công chúa.

- Hoàng hậu thứ nhất tên Devi – Vedisa, có một hoàng tử tên Mahinda, hai công chúa tên Sanghamitta và Charumati.
- Hoàng hậu thứ hai tên Karuvaki có hoàng tử tên Tivara.
- Hoàng hậu thứ ba tên Asandhimitra.
- Hoàng hậu thứ tư tên là Padmavati, có hai hoàng tử tên Kunala và Jalauka.
- Hoàng hậu thứ năm tên là Tishyarakshita.

Từ năm 268 đến năm 232 trước tây lịch, vua Ashoka lên ngôi hoàng đế, đời thứ ba của triều đại Maurya. Khi lên hoàng đế, Vua Ashoka đã mở rộng đế chế của mình từ vùng Assam phía đông đến Balochistan phía tây; từ vùng Pamir Knot ở nước A Phú Hãn (Afghanistan) phía bắc tới vùng Peninsula ở phía nam. Vì mở rộng sự thống trị, vua A Dục đã giết chết biết bao nhiêu người. Nhiều người nói rằng ông là vị vua độc ác.



Bản đồ Ấn Độ dưới thời vua A Dục

- **Vua A Dục - Ashoka và xá lợi của đức Phật**

Năm 263 trước tây lịch, vua Ashoka trở thành Phật tử. Ông biết rằng Phật giáo là nền tảng đạo đức, có lợi ích cho nhân loại, cho loài vật và cho thế giới. Vua ủng hộ xây dựng nhiều tu viện, cho làm những tượng đài để đánh dấu di tích cuộc đời lịch sử của đức Phật.

Theo lịch sử Phật giáo, xá lợi của đức Phật được chia ra 8 nước. Vua Ashoka đã gom tất cả xá lợi và xây dựng 84,000, cái tháp để thờ xá lợi của đức Phật khắp nước Ấn Độ. Vua có công ủng hộ kết tập Đại Tạng Kinh lần thứ ba thành Pataliputta (thủ đô Patna, tiểu bang Bihar), do sự chủ tọa Ngài Mục Kiền Liên Tử Đế Tu - [Moggaliputta-Tissa](#) vào năm 244 trước tây lịch. Ông cho phép thái tử Mahinda và công chúa Sanghamitta

đem đạo Phật sang nước Tích Lan (Srilanka). Đồng thời, vua ra lệnh đưa các tu sĩ Phật giáo sang nước Miến Điện và các nước đông nam Á.

Năm 232 trước tây lịch, vua A Dục băng hà. Triều đại Maurya có 9 đời, kéo dài từ năm 322 đến năm 180 trước tây lịch.

- 1- Đời thứ nhất vua Chandragupta từ năm 322 đến năm 297 trước tây lịch.
- 2- Đời thứ hai vua Bindisara từ năm 297 đến năm 268 trước tây lịch.
- 3- Đời thứ ba vua Ashoka từ năm 268 đến năm 232 trước tây lịch.
- 4- Đời thứ tư vua Dasharatha từ năm 232 đến 224 trước tây lịch.
- 5- Đời thứ năm vua Samprati từ năm 224 đến năm 215 trước tây lịch.
- 6- Đời thứ sáu vua Shalishuka từ năm 215 đến năm 202 trước tây lịch.
- 7- Đời thứ bảy vua Devavarman từ năm 202 đến năm 195 trước tây lịch.
- 8- Đời thứ tám vua Shatadhanvan từ năm 195 đến năm 187 trước tây lịch.
- 9- Đời thứ chín vua Brihadratha từ năm 187 đến năm 180 trước tây lịch.

- **TRIỀU ĐẠI SHUNGA TIÊU DIỆT PHẬT GIÁO**

Shunga dynasty (2nd–1st century BCE)[[edit](#)]

Quý vị có thể tham khảo đường nối kết này.

[https://en.wikipedia.org/wiki/History_of_Buddhism#Shunga_dynasty_\(2nd%E2%80%931st_century_BCE\)](https://en.wikipedia.org/wiki/History_of_Buddhism#Shunga_dynasty_(2nd%E2%80%931st_century_BCE))

Further information: Shunga Empire



During 2nd century BCE the **Sanchistupa** was nearly doubled in diameter, was encased in stone, and a **balustrade** and railing was built around it.^[57]

The **Shunga dynasty** (185–73 BCE) was established about 50 years after Aśoka's death. After assassinating King **Brhadrata** (last of

the Mauryan rulers), military commander-in-chief Pushyamitra Shunga took the throne. Buddhist religious scriptures such as the *Aśokāvadāna* allege that Pushyamitra (an orthodox Brahmin) was hostile towards Buddhists and persecuted the Buddhist faith. Buddhists wrote that he "destroyed hundreds of monasteries and killed hundreds of thousands of innocent Monks":^[58] 840,000 Buddhist stupas which had been built by Aśoka were destroyed, and 100 gold coins were offered for the head of each Buddhist monk.^[59]^[better source needed]

Ông Pushyamitra Shunga là một vị tướng quân người Ấn Giáo của triều đại Maurya. Ông đã ám sát vị vua cuối cùng của triều đại Maurya, vua Brahadratha Maurya. Sau đó, ông lên ngôi, tự xưng vua Pushyamitra Shunga, là người sáng lập triều đại Shunga 50 năm, từ năm 185 đến năm 73 trước tây lịch. Ông thù hiềm với Phật tử và khủng bố niềm tin của Phật tử. Ông đã ra lệnh đập phá hàng trăm tu viện, giết hàng trăm ngàn tu sĩ Phật giáo. 840.000, tháp Phật giáo đều bị đập phá .v.v. Ông ban thưởng 100 tiền vàng cho người chặt 1 cái đầu của tu sĩ Phật giáo.

Quý vị có thể tham khảo bản dịch lịch sử của vua Pushyamitra Shunga của các nhà sử học qua đường nối kết trong trang nhà bên dưới.

https://en.wikipedia.org/wiki/Pushyamitra_Shunga

Phim Ấn Độ Teesri Azadi kể về một vị vua Ấn Giáo ra lệnh tiêu diệt Phật giáo

<https://www.youtube.com/watch?v=wM98m3mkS1w>

Vua Pushyamitra Shunga là vị vua đầu tiên tiêu diệt Phật Giáo Ấn Độ.

Triều đại Shunga - Dynasty Shunga

Pushyamitra Shunga (khoảng 185 - 149 TCN) là người sáng lập và là người cai trị đầu tiên của Đế chế Shunga ở Đông Ấn.

Pushyamitra ban đầu là một "tướng" Senapati của đế chế Maurya. Năm 185 TCN. Ông đã ám sát Hoàng đế Mauryan cuối cùng, Brihadratha Maurya, trong một cuộc rà soát quân đội, và tuyên bố mình lên ngôi Vua. Sau đó ông đã làm cuộc hiến tế Ashvamedha và đưa phần lớn Bắc Ấn Độ dưới sự cai trị của ông. Những bản khắc của Shunga đã được tìm thấy cho tới bản Ayodhya (bản kinh Dhanadeva-Ayodhya), và

Divyavadana đề cập rằng ông ta đã phái một đội quân để khủng bố các nhà sư Phật giáo đến tận Sakala (Sialkot) ở vùng Punjab ở phía tây bắc.

Tài liệu Phật giáo [sửa]

Các văn bản Phật giáo nói rằng Pushyamitra tàn nhẫn khủng bố các Phật tử. Nguồn sớm nhất đề cập đến đây là Ashokavadana của thế kỷ 2 (một phần của Divyavadana). Theo tài liệu này, Pushyamitra (được miêu tả như vị vua Mauryan cuối cùng) muốn nổi tiếng. Các thành viên nội các của ông khuyên ông rằng chừng nào Phật giáo vẫn là đức tin nổi bật, ông sẽ không bao giờ nổi tiếng như tổ tiên của ông Ashoka, người đã có sứ mệnh ủy thác cho xây dựng 84.000 chùa tháp. Một quân sư nói với ông rằng ông có thể trở nên nổi tiếng bằng cách phá hủy Phật giáo. Pushyamitra sau đó đã cố gắng để tiêu diệt các tu viện Kukkutarama, nhưng nó đã được cứu bởi một phép lạ. Sau đó, ông tiến về phía Shakala ở phía tây bắc, nơi ông đã **tặng một giải thưởng một trăm dinars (đồng vàng) cho mỗi đầu của một tu sĩ Phật giáo mang đến cho ông ta**. Tiếp theo, ông tiến về vương quốc Koshtaka, nơi mà một vị Phật tử tên là Damshtanivasin giết ông và quân đội của ông bằng sự giúp đỡ của một vị yaksha tên là Krishna [8] [6].

Pushyamitra trang bị một đội quân lớn gấp bốn lần, và có ý định hủy diệt tôn giáo, ông đã đi đến Kukkutarama (ở Pataliputra). ... Pushyamitra phá hủy sangharama, giết chết các nhà sư ở đó, và tiếp tục đi chinh phạt. ... Sau một thời gian, ông đã đến Sakala và tuyên bố rằng ông sẽ tặng một phần thưởng cho bất cứ ai mang đến cho ông ta đầu một nhà sư Phật giáo. [9]

Vibhassa, một văn bản khác của thế kỷ thứ hai, nói rằng Pushyamitra đốt kinh điển Phật giáo, giết chết các nhà sư Phật giáo và phá hủy 500 tu viện ở và xung quanh Kashmir. Trong chiến dịch này, ông đã được hỗ trợ bởi **yakshas, kumbhandas, và quỷ khác**. Tuy nhiên, khi ông đến cây bồ đề, vị thần của cây đó lấy hình dạng của một phụ nữ xinh đẹp và giết ông.

Arya-Manjushri-Mula-Kalpa đề cập đến một vị vua độc ác và ngu si có tên Gomimukhya ("bò sát"), hoặc Gomishanda ("Gomin, con bò"), người chiếm lãnh thổ từ đông sang Kashmir, phá hủy các tu viện và giết chết các nhà sư. Cuối cùng, ông và các sĩ quan của ông đã bị giết ở phía bắc bởi những tảng đá núi. [10] [11] Vua này được xác định là vua Pushyamitra bởi một số học giả.

Nhà sử học Taranatha của Tây Tạng thế kỷ 16 cũng tuyên bố rằng Pushyamitra và các đồng minh đã giết các nhà sư Phật giáo và phá hủy các tu viện từ madhyadesha (trung du) tới Jalandhara. Những hoạt động này đã xóa bỏ học thuyết Phật giáo từ phía bắc, trong vòng năm năm.

• QUÂN HỒI GIÁO TIÊU DIỆT PHẬT GIÁO ẤN ĐỘ

Vào thế kỷ thứ 13 năm 1206 đến thế kỷ thứ 16 năm 1526

Lịch sử nước Ấn Độ viết rằng thế kỷ thứ 13 năm 1206 đến thế kỷ thứ 16 năm 1526, quân Hồi Giáo Thổ Nhĩ Kỳ sang xâm chiếm, cai trị nước Ấn Độ và tiêu diệt Phật Giáo.

1. Giết sạch các tu sĩ Phật Giáo.
2. Đốt sạch các Kinh sách.
3. Đập phá sạch các tu viện và di tích Phật Giáo.

Đây là trang nhà lịch sử nước Ấn Độ, quý vị có thể tham khảo.

https://translate.google.com.vn/translate?hl=vi&sl=en&u=https://simple.wikipedia.org/wiki/History_of_India&prev=search

Đây là phân trích đoạn bản dịch google của trang nhà lịch sử nước Ấn Độ bên trên.

Hồi giáo sultanates [[thay đổi](#) | [thay đổi nguồn](#)]

Hồi giáo lan truyền khắp tiểu lục địa Ấn Độ trong khoảng thời gian 500 năm. Vào thế kỷ thứ 10 và 11, người Thổ Nhĩ Kỳ và người Afghanistan xâm chiếm Ấn Độ và thành lập những người sultanates ở Delhi. Vào đầu thế kỷ 16, hậu duệ của Genghis Khan quét qua đèo Khyber và thành lập Đế chế Mughal kéo dài 200 năm. Từ thế kỷ thứ 11 đến thế kỷ 15, miền nam Ấn Độ bị thống trị bởi các triều đại Hindu Chola và Vijayanagar. Trong thời gian này, hai hệ thống - người Hindu và Hồi giáo hiện hành - trộn lẫn, để lại những ảnh hưởng văn hóa lâu dài với nhau.

Delhi sultanate. [[thay đổi](#) | [thay đổi nguồn](#)]

Delhi sultanate là một vương quốc Hồi giáo chủ yếu dựa vào Delhi . Nó cai trị các phần lớn của tiểu lục địa Ấn Độ trong 320 năm (1206–1526) Năm triều đại cai trị vương quốc Delhi. Họ là: các mamaluk , khilji , tughlaq, sayyid và các triều đại lodi. Triều đại mamaluk được bắt đầu bởi Qutbuddin Aibak. Ông là một nô lệ và do đó triều đại này cũng được gọi

là nô lệ Triều đại. Qutubuddin Aibak cũng làm Qutub minar. Con trai của ông trong pháp luật, Iltutmish đã trở thành người cai trị sau khi Qutubuddin aibak. Anh ta đã hoàn thành chiếc qutub minar.

- Đây là trang nhà lịch sử Phật giáo Ấn Độ – History of Buddhism in India, quý vị có thể tham khảo.
- https://translate.google.com.vn/translate?hl=vi&sl=en&u=https://en.wikipedia.org/wiki/History_of_Buddhism_in_India&prev=search
- Đoạn trích dẫn bản dịch google từ trang nhà lịch sử Phật giáo ở Ấn Độ bên trên.

***Những kẻ chinh phục người Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ [sửa]**

4. Cuộc chinh phục Hồi giáo của tiểu lục địa Ấn Độ được đánh dấu bằng các cuộc xâm lược mang tính biểu tượng vào Nam Á.^[79] Vào cuối thế kỷ thứ mười hai, Phật giáo hầu như đã biến mất,^{[77] [80]} với sự phá hủy các tu viện và bảo tháp ở miền tây bắc và tây Ấn Độ thời Trung cổ (nay là Pakistan và bắc Ấn Độ).^[81]
5. Ở các vùng phía tây bắc của Ấn Độ thời trung cổ, các vùng Himalaya, cũng như các khu vực giáp ranh Trung Á, Phật giáo đã từng tạo điều kiện cho quan hệ thương mại, tiểu bang Lars Fogelin. Với sự xâm lược và mở rộng của người Hồi giáo, và người Trung Á chấp nhận Hồi giáo, các nguồn hỗ trợ tài chính có nguồn gốc từ thương mại và nền tảng kinh tế của các tu viện Phật giáo đã giảm, dựa vào đó sự sống còn và tăng trưởng của Phật giáo.^{[76] [82]} Sự xuất hiện của đạo Hồi đã xóa bỏ sự bảo trợ của hoàng gia đối với truyền thống tu viện Phật giáo, và việc thay thế Phật tử trong buôn bán đường dài bởi người Hồi giáo đã xói mòn các nguồn bảo trợ liên quan.^{[81] [82]}
6. Ở vùng đồng bằng Gangetic, Orissa, phía đông bắc và các vùng phía nam Ấn Độ, Phật giáo sống sót qua những thế kỷ đầu tiên của thiên niên kỷ thứ hai.^[76] Cuộc xâm lăng Hồi giáo cướp bóc sự giàu có và phá hủy các hình ảnh Phật giáo,^[83] và hậu quả chiếm giữ đất đai của các tu viện Phật giáo đã loại bỏ một nguồn hỗ trợ cần thiết cho Phật tử, trong khi biến động kinh tế và thuế mới Các nhà sư Phật giáo.^[76]
7. Các tu viện và thể chế như Nalanda đã bị các tu sĩ Phật giáo bỏ hoang khoảng 1200 CE, trốn thoát để thoát khỏi quân đội Hồi giáo

xâm lược, sau đó khu vực này đã bị hư hại theo luật Hồi giáo ở Ấn Độ. ^[84] ^[85]

8. Đế quốc cuối cùng ủng hộ Phật giáo, triều đại **Pala** , rơi vào thế kỷ 12, và những kẻ xâm lược Hồi giáo đã phá hủy các tu viện và di tích. ^[77] Theo Randall Collins, Phật giáo đã giảm ở Ấn Độ trước thế kỷ 12, nhưng với sự cướp bóc của những kẻ xâm lược Hồi giáo, nó gần như đã tuyệt chủng ở Ấn Độ vào những năm 1200. ^[86] Trong thế kỷ 13, tiểu bang Craig Lockard, các nhà sư Phật giáo ở Ấn Độ đã trốn sang Tây Tạng để thoát khỏi cuộc bức hại của Hồi giáo; ^[87] trong khi các nhà sư ở miền tây Ấn Độ, tuyên bố Peter Harvey, đã trốn thoát khỏi sự bức hại bằng cách chuyển đến các vương quốc Ấn Độ ở phía nam Ấn Độ có khả năng chống lại quyền lực Hồi giáo. ^[88]

9. Những Phật tử còn sống sót [sửa]

10. Xem thêm: *Từ chối Phật giáo ở tiểu lục địa Ấn Độ § Sự tồn tại của Phật giáo ở Ấn Độ*

11. Nhiều Phật tử Ấn Độ chạy trốn về phía nam. Được biết, Phật tử vẫn tiếp tục tồn tại ở Ấn Độ ngay cả sau thế kỷ 14 từ những bản văn như **Chaitanya Charitamrita** . Văn bản này phác họa một tập phim trong cuộc đời của **Sri Chaitanya Mahaprabhu** (1486–1533), một vị thánh Vaisnava, người được cho là đã tham gia vào một cuộc tranh luận với các Phật tử ở **Tamil Nadu** . ^[89]

12. **Taranatha** Tây Tạng (1575-1634) đã viết một lịch sử của Phật giáo Ấn Độ, đề cập đến Phật giáo như đã sống sót trong một số nơi ở Ấn Độ trong thời gian của mình. ^[90] Ông đề cập đến sự sang trọng của Phật giáo như đã sống sót ở Konkana, Kalinga, Mewad, Chittor, Abu, Saurashtra, núi Vindhya, Ratnagiri, Karnataka... Một tác giả Jain Gunakirti (1450-1470) đã viết một bản văn Marathi, Dhamramrita, ^[91] nơi ông đặt tên cho 16 lệnh Phật giáo. Tiến sĩ Johrapurkar lưu ý rằng trong số đó, các tên Sataghare, Dongare, Navaghare, Kavishvar, Vasanik và Ichchhabhojanik vẫn tồn tại ở Maharashtra dưới dạng tên của gia đình. ^[92]

13. Phật giáo cũng sống sót đến thời hiện đại ở các vùng Himalaya như **Ladakh** , với những mối quan hệ mật thiết với **Tây Tạng** . ^[93] Một truyền thống độc đáo tồn tại trong **Phật giáo Newar** của **Nepal** .

14. **Abul Fazl** , thủ lĩnh của **hoàng đế Mughal Akbar** , nói, "Trong một thời gian dài quá hiếm hoi bất kỳ dấu vết nào của họ (các Phật

tử) đã tồn tại ở Hindustan." Khi ông viếng thăm **Kashmir** năm 1597, ông đã gặp một vài người đàn ông già tuyên xưng Phật giáo, tuy nhiên ông 'thấy không ai trong số những người học được'. Điều này cũng có thể được nhìn thấy từ thực tế là các Tăng sĩ Phật giáo không có mặt giữa các vị thần đã học được đến **Ibadat Khana** của Akbar tại **Fatehpur Sikri** .^[94]

15. Sự hồi sinh của Phật giáo ở Ấn Độ [[sửa](#)]



16.

17. Ngôi [đền Mahabodhi](#) xuất hiện vào năm 1899, ngay sau khi phục hồi vào những năm 1880



18.

19. Đền thờ Phật MahaBodhi Mulagandhakuti tại [Sarnath](#)



20.

21. [Deekshabhoomi](#) tượng đài, nằm ở [Nagpur](#) , [Maharashtra](#) nơi [BR Ambedkar](#) chuyển đổi sang Phật giáo vào năm 1956 là [bảo tháp](#) lớn nhất ở châu Á.^[95]

22. Xem thêm: [Hội Maha Bodhi](#) và [Anagarika Dharmapala](#)

23. Sự hồi sinh hiện đại của Phật giáo ở Ấn Độ bắt đầu vào cuối thế kỷ XIX, được dẫn dắt bởi [các](#) tổ chức [hiện đại Phật giáo](#) như Hội Maha Bodhi (1891), Hiệp hội Phật giáo Bengal (1892) và Hiệp hội Phật giáo Nam trẻ (1898). Các thể chế này bị ảnh hưởng bởi các dòng Phật giáo Nam Á hiện đại như chủ nghĩa hiện đại Phật giáo Sri

Lanka cũng như học bổng phương Đông và các phong trào tinh thần như [Triết học](#).^[96] Một nhân vật trung tâm của phong trào này là nhà lãnh đạo Phật giáo [Sri Lanka Anagarika Dharmapala](#), người đã thành lập Hội [Maha Bodhi](#) năm 1891.^[97] Một trọng tâm quan trọng của các hoạt động của Hội Maha Bodhi ở Ấn Độ đã trở thành sự phục hồi, bảo tồn và phục hồi Phật giáo quan trọng. các địa điểm như [Bodh Gaya](#) và [đền Mahabodhi](#).^[96] Dharmapala và xã hội đã thúc đẩy việc xây dựng những vi phạm và đền thờ Phật giáo ở Ấn Độ, bao gồm cả một ở [Sarnath](#), nơi diễn thuyết đầu tiên của Đức Phật. Ngài mất năm 1933, cùng năm đó ngài thọ giới một [Tỳ khưu](#).^[98]

24. Theo [độc lập](#) Ấn Độ, di sản Phật giáo cổ đại của Ấn Độ đã trở thành một yếu tố quan trọng cho việc xây dựng đất nước, và thủ tướng [Jawaharlal Nehru](#) đã tìm đến [đế chế Mauryan](#) để biểu tượng cho sự thống nhất Ấn Độ không phải là người Hindu hay Hồi giáo, như [Dharmacakra](#).^[99] Các địa điểm Phật giáo Ấn Độ cũng nhận được sự hỗ trợ của chính phủ Ấn Độ để chuẩn bị cho vị [Phật](#) năm 2.500 [Jayanti](#) được tổ chức vào năm 1956, cũng như cho thuê đất miễn phí tại một số trung tâm hành hương cho các nhóm Phật giáo châu Á để xây dựng đền thờ và nghỉ ngơi.^[100]
25. Những người trí thức Phật giáo Ấn Độ quan trọng của thời kỳ hiện đại bao gồm [Rahul Sankrityayan](#) (1893-1963), [Dharmanand Kosambi](#) (1876-1941) và [Bhadant Anand Kausalyayan](#).^[101] Phật giáo Bengal [Kripasaran Mahasthavir](#) (1865-1926) thành lập Hiệp hội Phật giáo Bengal năm 1892.
26. Ở [Tamil Nadu](#), Tamil [Iyothee Thass](#) (1845-1914) là một nhân vật chính thúc đẩy Phật giáo và gọi là [Paraiyars](#) để cải đạo.^[102]
27. [Chính phủ Ấn Độ](#) và các bang đã tiếp tục thúc đẩy sự phát triển của các địa điểm hành hương Phật giáo ("Mạch Phật tử"), cả hai như là một nguồn [du lịch](#) và khuyến khích di sản Phật giáo của Ấn Độ, một nguồn tài nguyên văn hóa quan trọng cho quan hệ ngoại giao của Ấn Độ.^[103] Một phát triển gần đây khác là việc thành lập [Đại học Nalanda](#) mới ở Bihar (2010).^[104]
28. **Phong trào Phật giáo Dalit** [[sửa](#)]
29. *Bài chi tiết:* [Phong trào Phật giáo Dalit](#) và [Navayana](#)
30. Vào những năm 1950, lãnh đạo chính trị [Dalit BR Ambedkar](#) (1891-1956) bị ảnh hưởng bởi việc đọc các nguồn tin Pali và Phật tử Ấn Độ như [Dharmanand Kosambi](#) và Lakshmi Narasu,

bắt đầu thúc đẩy chuyển đổi sang Phật giáo cho Dalits hạng thấp Ấn Độ. ^[100] Phong trào Phật giáo Dalit của ông thành công nhất ở các bang Maharashtra, Ấn Độ, có chuyển đổi quy mô lớn. ^[100] "Phật giáo Neo" của Ambedkar bao gồm một yếu tố mạnh mẽ phản đối chính trị và xã hội chống lại Ấn Độ giáo và hệ thống đẳng cấp Ấn Độ. ^[105] Đức Phật của Ngài, Đức Phật và Giáo Pháp của Ngài, kết hợp các ý tưởng Mác-xít về đấu tranh lớp học vào quan điểm Phật giáo dukkha và lập luận rằng đạo đức Phật giáo có thể được sử dụng để "tái tạo xã hội và xây dựng xã hội công bằng, tiến bộ, bình đẳng, và tự do". ^[105]

31. Phong trào chuyển đổi nói chung đã được giới hạn trong một số nhân khẩu học xã hội nhất định, chẳng hạn như Maharashtra Maharashtra và Jatavs. ^[105] Mặc dù họ đã từ bỏ Ấn Độ giáo trong thực tế, một cuộc khảo sát cộng đồng đã cho thấy sự tuân thủ nhiều thực hành của đức tin cũ bao gồm cả sự kết tội, tôn thờ các vị thần gia đình truyền thống, vv ^[106]
32. Một tổ chức chính của phong trào này là Triratna Bauddha Mahasangha. ^[107]

• DI TÍCH LỊCH SỬ PHẬT GIÁO

Thời Anh Quốc ngự trị tại Ấn Độ vào thế kỷ 18 năm 1858 đến thế kỷ 19 năm 1947 khoảng 89 năm. Hoàng gia Anh Quốc đã giao quyền độc lập cho nước Ấn Độ vào năm 1947. Trong thời gian này, các nhà khảo cổ học của Anh Quốc như ông James Prinsep, John Hubert, Marshall, Harappa, Mohenjodaro, Alexander Cunningham và những nhà khảo cổ Ấn Độ đã khai quật và tìm lại các di tích lịch sử của đức Phật qua những cột trụ của vua A Dục – Ashoka.

Nhờ vậy, chúng ta mới biết đến di tích của đức Phật bây giờ.

Chúng tôi xin chân thành cảm niệm tri các nhà khảo cổ học Ấn Độ và Anh Quốc.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Người biên soạn
Tỳ kheo Thích Hạnh Định



Xem bài cùng tác giả: Thích Hạnh Định

<https://quangduc.com/author/post/8534/1/thich-hanh-dinh>